

Danh sách các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Khu đô thị thể thao Olympic

Địa bàn Thôn Song Khê, xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội (Đợt 2)

(Ban hành kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày /6/2026 của Chủ tịch UBND xã Tam Hưng)

| STT | Chủ sử dụng đất | Số CCCD | Địa chỉ thường trú | Thông tin theo mảnh trích đo | | | | | | | Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý | | | | | |
|-----|--|--------------|--------------------|------------------------------|-----------|---------|--------------------------------------|---|---|----------|---|-----------|-----------------------------|----------|----------------|------------|
| | | | | Địa chỉ | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích thửa đất (m ²) | Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²) | Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²) | Loại đất | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích (m ²) | Loại đất | Số phát hành | Ngày cấp |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 1 | Hộ bà Bùi Thị Bãi | 001146001496 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 130 | 344,0 | 344,0 | - | LUC | 00 | 3 | 344,0 | LUC | CH 210911 | 28/12/2016 |
| 2 | Hộ bà Bùi Thị Hà | 001170019897 | Song Khê, Tam Hưng | Mốc Voi | 14 | 206 | 730,0 | 730,0 | - | LUC | 00 | 1 | 730,0 | LUC | CH 117982 | 22/12/2016 |
| 3 | Hộ bà Bùi Thị Hòa | 001154009575 | Song Khê, Tam Hưng | Bầy | 20 | 92 | 1.211,0 | 1.211,0 | - | LUC | 00 | 5+3 | 1.211,0 | LUC | CG 185598 | 30/12/2016 |
| 4 | Bà Bùi Thị Hương Lan | 001178045030 | Lê Dương, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 131 | 86,0 | 86,0 | - | LUC | 00 | 2 | 86,0 | LUC | CH 210916 | 28/12/2016 |
| 5 | Hộ ông Bùi Văn Cẩm | 001053007048 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 5 | 14 | 177 | 438,0 | 438,0 | - | LUC | 00 | 4 | 438,0 | LUC | CG 241393 | 09/12/2016 |
| 6 | Hộ ông Bùi Văn Kỳ (Ông Bùi Văn Kỳ đã chết) - Ông Bùi Văn Đức đại diện | 001074013695 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 5 | 14 | 172 | 766,0 | 766,0 | - | LUC | 00 | 11/2+12/2 | 766,0 | LUC | CG 241394 | 09/12/2016 |
| 7 | Hộ bà Đào Thị Thúy | 001174005804 | Song Khê, Tam Hưng | Bầy | 15 | 275 | 746,0 | 746,0 | - | LUC | 00 | 9 | 746,0 | LUC | CG 345571 | 16/12/2016 |
| 8 | Hộ ông Đào Văn Đàm | 001069001700 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 3 | 14 | 76 | 484,0 | 484,0 | - | LUC | 00 | 7 | 484,0 | LUC | CH 117905 | 22/12/2016 |
| 9 | Hộ ông Hoàng Công Thành | 001050003066 | Song Khê, Tam Hưng | Chóp Nón | 20 | 144 | 486,0 | 486,0 | - | LUC | 00 | 306 | 486,0 | LUC | CG 241359 | 09/12/2016 |
| 10 | Hộ bà Hoàng Thị Bình | 001155013529 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 100 | 850,0 | 850,0 | - | LUC | 00 | 2+3/6 | 850,0 | LUC | CG 185609 | 30/12/2016 |
| 11 | Hộ bà Hoàng Thị Hưng | 001134000449 | Song Khê, Tam Hưng | Sau Đền | 24 | 311 | 47,0 | 47,0 | - | LUC | 00 | 5 | 47,0 | LUC | CG 241378 | 09/12/2016 |
| 12 | Hộ bà Hoàng Thị Nhung | 001152028885 | Song Khê, Tam Hưng | Bầy | 20 | 129 | 1.017,0 | 1.017,0 | - | LUC | 00 | 8+9 | 1.017,0 | LUC | CG 185558 | 30/12/2016 |
| 13 | Hộ ông Phạm Văn Quý (1976) | 001076065280 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc Mạ | 10 | 278 | 108,0 | 108,0 | - | LUC | 00 | 10 | 108,0 | LUC | CH 117973 | 22/12/2016 |
| 14 | Hộ ông Hoàng Văn Huân (Ông Hoàng Văn Huân đã chết) - Bà Hoàng Thị Nguyên Hà đại diện | 001185005795 | Song Khê, Tam Hưng | Mốc Voi | 14 | 204 | 974,0 | 974,0 | - | LUC | 00 | 4 | 974,0 | LUC | CH 117921 | 22/12/2016 |
| 15 | Hộ ông Hoàng Văn Cảnh | 001074002588 | Song Khê, Tam Hưng | Mốc Voi | 14 | 205 | 484,0 | 484,0 | - | LUC | 00 | 3 | 484,0 | LUC | CH 107606 | 22/12/2016 |
| 16 | Hộ ông Hoàng Văn Tuấn (Ông Hoàng Văn Tuấn đã chết) - Bà Hoàng Thị Mai đại diện | 001169027030 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 5 | 14 | 184 | 932,0 | 932,0 | - | LUC | 00 | 7/2+8/2 | 932,0 | LUC | CH 210844 | 28/12/2016 |
| 17 | Ông Kiều Hồng Dương (Tạ Thị Hường) | 001087016109 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 117 | 1.133,0 | 1.133,0 | - | LUC | 00 | 6/6 | 1.133,0 | LUC | AA 04486802 | 09/01/2026 |
| 18 | Hộ ông Kiều Lê Anh | 001069035817 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 3 | 14 | 94 | 257,0 | 257,0 | - | LUC | 00 | 6 | 257,0 | LUC | CG 241399 | 09/12/2016 |
| 19 | Hộ ông Kiều Văn Chính | 001065008239 | Song Khê, Tam Hưng | Chóp Nón | 20 | 177 | 1.116,0 | 1.116,0 | - | LUC | 00 | 16 | 1.116,0 | LUC | CG 185768 | 16/12/2016 |
| | | | | Láng 5 | 24 | 281 | 396,0 | 396,0 | - | LUC | 00 | 1 | 396,0 | LUC | | |

| STT | Chủ sử dụng đất | Số CCCD | Địa chỉ thường trú | Thông tin theo mảnh trích đo | | | | | | | Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý | | | | | |
|-----|---|--------------|--------------------|------------------------------|-----------|---------|--------------------------------------|---|---|----------|---|---------|-----------------------------|----------|--------------|------------|
| | | | | Địa chỉ | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích thửa đất (m ²) | Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²) | Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²) | Loại đất | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích (m ²) | Loại đất | Số phát hành | Ngày cấp |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 20 | Hộ ông Kiều Văn Hải (1968) (Hoa) | 001068016943 | Song Khê, Tam Hưng | Sau Đền | 20 | 179 | 265,0 | 265,0 | - | LUC | 00 | 4/2 | 265,0 | LUC | CG 345553 | 16/12/2016 |
| 21 | Hộ ông Kiều Văn Hồng | 001066041195 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 5 | 14 | 155 | 775,0 | 775,0 | - | LUC | 00 | 3/4 | 775,0 | LUC | CG 185828 | 16/12/2016 |
| 22 | Hộ ông Kiều Văn Hưng | 001077039273 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 107 | 147,0 | 147,0 | - | LUC | 00 | 14/5 | 147,0 | LUC | CH 107636 | 22/12/2016 |
| 23 | Hộ bà Bùi Thị Cúc | 001152019431 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 2 | 14 | 42 | 688,1 | 688,1 | - | LUC | 00 | 236 | 688,1 | LUC | CH 210867 | 28/12/2016 |
| 24 | Hộ ông Kiều Văn Lập | 001058033823 | Song Khê, Tam Hưng | Sau Đền | 24 | 312 | 93,0 | 93,0 | - | LUC | 00 | 7 | 93,0 | LUC | CG 241370 | 09/12/2016 |
| | | | | Cuốc Mạ | 10 | 297 | 289,0 | 289,0 | - | LUC | 00 | 2/2 | 289,0 | LUC | | |
| 25 | Hộ ông Kiều Văn Thuận | 001067038020 | Song Khê, Tam Hưng | Bầy | 15 | 270 | 821,0 | 821,0 | - | LUC | 00 | 1 | 821,0 | LUC | CG 345574 | 16/12/2016 |
| 26 | Hộ ông Kiều Văn Toàn | 001069003720 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 1 | 10 | 362 | 715,0 | 715,0 | - | LUC | 00 | 1 | 715,0 | LUC | CG 345566 | 16/12/2016 |
| 27 | Hộ ông Kiều Văn Trung | 001070004698 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc Mạ | 10 | 276 | 17,2 | 17,2 | - | LUC | 00 | 13 | 17,2 | LUC | CH 210883 | 28/12/2016 |
| 28 | Hộ ông Lê Hải | 001076011193 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 5 | 14 | 156 | 190,0 | 190,0 | - | LUC | 00 | 3.5 | 190,0 | LUC | CH 210859 | 28/12/2016 |
| 29 | Hộ ông Lê Huy Hà | 001073044072 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 5 | 14 | 176 | 500,0 | 500,0 | - | LUC | 00 | 5/2 | 500,0 | LUC | CG 241379 | 09/12/2016 |
| 30 | Hộ ông Lê Huy Hoàn (1958) | 001058032285 | Song Khê, Tam Hưng | Sau Đền | 24 | 298 | 146,0 | 146,0 | - | LUC | 00 | 6/3 | 146,0 | LUC | CG 241408 | 09/12/2016 |
| 31 | Hộ ông Lê Huy Hoàn (1982) | 001082049182 | Song Khê, Tam Hưng | Bầy | 15 | 259 | 1.302,0 | 1.302,0 | - | LUC | 00 | 8/2+9/2 | 1.302,0 | LUC | CG 241331 | 09/12/2016 |
| 32 | Hộ ông Lê Huy Huệ (Ông Lê Huy Huệ đã chết) - Ông Lê | 001083018624 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc lộ 1 | 10 | 314 | 11,0 | 11,0 | - | LUC | 00 | 9 | 11,0 | LUC | CG 241325 | 09/12/2016 |
| | | | | Gạc Ba | 19 | 44 | 1.449,0 | 1.449,0 | - | LUC | 00 | 7/3 | 1.449,0 | LUC | | |
| 33 | Bà Nguyễn Thị Vân đồng sử dụng cùng bà Lê Thị Nga | 001163005096 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 5 | 14 | 179 | 625,0 | 625,0 | - | LUC | 00 | 1/2 | 625,0 | LUC | CG 241390 | 09/12/2016 |
| 34 | Hộ ông Lê Huy Quang | 001073010127 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 5 | 14 | 171 | 360,0 | 360,0 | - | LUC | 00 | 10/2 | 360,0 | LUC | CG 241381 | 09/12/2016 |
| 35 | Hộ ông Lê Huy Tấn | 001065019992 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 133 | 71,0 | 71,0 | - | LUC | 00 | 5 | 71,0 | LUC | CH 210912 | 28/12/2016 |
| 36 | Ông Lê Trung Hiếu | 001201019615 | Song Khê, Tam Hưng | Sau Đền | 24 | 305 | 70,0 | 70,0 | - | LUC | 00 | 16 | 70,0 | LUC | CE 509259 | 09/12/2016 |
| 37 | Hộ ông Lê Huy Trường | 001064000958 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc Mạ | 10 | 283 | 41,5 | 41,5 | - | LUC | 00 | 10 | 41,5 | LUC | CH 210888 | 28/12/2016 |
| 38 | Hộ ông Lê Khắc Hùng | 001068004114 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 132 | 214,0 | 214,0 | - | LUC | 00 | 4 | 214,0 | LUC | CH 107738 | 22/12/2016 |
| 39 | Bà Lê Thị Huyền Trang | 001188005343 | Song Khê, Tam Hưng | Đền | 20 | 203 | 976,0 | 976,0 | - | LUC | 00 | 4 | 976,0 | LUC | CH 117932 | 22/12/2016 |
| 40 | Hộ bà Lê Thị Truyền (Bà Lê Thị Truyền đã chết) - Ông Kiều Trường Sơn đại diện | 001076004786 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 3 | 14 | 93 | 461,0 | 461,0 | - | LUC | 00 | 7+8+10 | 461,0 | LUC | CG 241421 | 09/12/2016 |
| 41 | Hộ bà Lê Thị Hằng | 001167005714 | Song Khê, Tam Hưng | Vôi 6 | 14 | 200 | 1.121,0 | 1.121,0 | - | LUC | 00 | 3/1 | 1.121,0 | LUC | CG 126418 | 22/11/2016 |

| STT | Chủ sử dụng đất | Số CCCD | Địa chỉ thường trú | Thông tin theo mảnh trích đo | | | | | | | Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý | | | | | |
|-----|---|--------------|---------------------|------------------------------|-----------|---------|--------------------------------------|---|---|----------|---|----------|-----------------------------|----------|--------------|------------|
| | | | | Địa chỉ | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích thửa đất (m ²) | Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²) | Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²) | Loại đất | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích (m ²) | Loại đất | Số phát hành | Ngày cấp |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 42 | Hộ bà Lê Thị Hồng | 001158008254 | Song Khê, Tam Hưng | Láng 5 | 24 | 299 | 1.220,0 | 1.220,0 | - | LUC | 00 | 1/6 | 1.220,0 | LUC | CH 210881 | 28/12/2016 |
| 43 | Hộ bà Lê Thị Kim Thu | 001169006817 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 5 | 14 | 185 | 611,0 | 611,0 | - | LUC | 00 | 9/2+10/2 | 611,0 | LUC | CG 345538 | 16/12/2016 |
| 44 | Hộ bà Lê Thị Liên | 001161013824 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 5 | 14 | 181 | 1.161,0 | 1.161,0 | - | LUC | 00 | 11/2 | 1.161,0 | LUC | CG 345530 | 16/12/2016 |
| 45 | Hộ bà Lê Thị Nga | 001170008759 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc Mạ | 10 | 277 | 270,0 | 270,0 | - | LUC | 00 | 07 | 270,0 | LUC | CG 126488 | 22/11/2016 |
| | | | | Quốc 4 | 14 | 145 | 868,0 | 868,0 | - | LUC | 00 | 04 | 868,0 | LUC | CG 126471 | 22/11/2016 |
| 46 | Hộ bà Lê Thị Quý | 001176020102 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 5 | 14 | 160 | 909,0 | 909,0 | - | LUC | 00 | 01 | 909,0 | LUC | CG 185571 | 30/12/2016 |
| | | | | Vôi 6 | 14 | 196 | 597,0 | 597,0 | - | LUC | 00 | 8/1 | 597,0 | LUC | | |
| 47 | Hộ bà Lê Thị Tinh | 001174021136 | Hưng Giáo, Tam Hưng | Quốc | 14 | 135 | 579,0 | 579,0 | - | LUC | 00 | 3 | 579,0 | LUC | CH 107732 | 22/12/2016 |
| 48 | Hộ ông Lê Tiến Mùi (Ông Lê Tiến Mùi chết) - Ông Lê Tiến | 001078042619 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc Mạ | 10 | 320 | 306,0 | 306,0 | - | LUC | 00 | 7/2 | 306,0 | LUC | CG 241396 | 09/12/2016 |
| | | | | Quốc 5 | 14 | 182 | 1.063,0 | 1.063,0 | - | LUC | 00 | 3/2+4/2 | 1.063,0 | LUC | | |
| 49 | Hộ ông Lê Văn Bảy | 001070041504 | Song Khê, Tam Hưng | Đền | 24 | 258 | 666,0 | 666,0 | - | LUC | 00 | 9+10 | 666,0 | LUC | CH 107624 | 22/12/2016 |
| 50 | Hộ ông Lê Văn Sơn | 001068008590 | Song Khê, Tam Hưng | Chóp Nón | 20 | 163 | 486,0 | 486,0 | - | LUC | 00 | 12 | 486,0 | LUC | CG 241360 | 09/12/2016 |
| 51 | Hộ ông Lê Văn Tiến | 001073014057 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc Mạ | 10 | 343 | 560,0 | 560,0 | - | LUC | 00 | 1 | 560,0 | LUC | CG 345549 | 16/12/2016 |
| 52 | Hộ bà Lưu Thị Mai | 001158010477 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 3 | 14 | 79 | 434,0 | 434,0 | - | LUC | 00 | 06 | 434,0 | LUC | CG 185547 | 30/12/2016 |
| 53 | Hộ ông Nguyễn Công Huyền | 001075036194 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 5 | 14 | 191 | 560,0 | 560,0 | - | LUC | 00 | 1 | 560,0 | LUC | CG 345589 | 16/12/2016 |
| | | | | Bảy | 15 | 256 | 841,0 | 841,0 | - | LUC | 00 | 3 | 841,0 | LUC | | |
| 54 | Hộ ông Nguyễn Đình Hiệp | 001085022228 | Song Khê, Tam Hưng | Sau Đền | 20 | 178 | 396,0 | 396,0 | - | LUC | 00 | 03 | 396,0 | LUC | CG 185577 | 30/12/2016 |
| 55 | Hộ bà Nguyễn Thị Công | 001177044941 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 5 | 14 | 164 | 606,0 | 606,0 | - | LUC | 00 | 3 | 606,0 | LUC | CG 185819 | 16/12/2016 |
| 56 | Hộ bà Nguyễn Thị Khải đồng sử dụng với ông Phạm Văn Biên và ông Phạm Thanh Liêm | 001160013889 | Song Khê, Tam Hưng | Sau Đền | 24 | 309 | 70,0 | 70,0 | - | LUC | 00 | 4 | 70,0 | LUC | DM 338215 | 10/11/2023 |
| 57 | Hộ bà Nguyễn Thị Linh | 001153008270 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 136 | 462,0 | 462,0 | - | LUC | 00 | 7+8+9 | 462,0 | LUC | CH 107729 | 22/12/2016 |
| 58 | Hộ bà Nguyễn Thị Mai | 001161027940 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 137 | 516,0 | 516,0 | - | LUC | 00 | 9 | 516,0 | LUC | CH 107736 | 22/12/2016 |
| 59 | Hộ bà Nguyễn Thị Mây | 001168017015 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 138 | 515,0 | 515,0 | - | LUC | 00 | 10 | 515,0 | LUC | CH 107734 | 22/12/2016 |
| 60 | Hộ bà Nguyễn Thị Miên | 001165042236 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 5 | 14 | 169 | 377,0 | 377,0 | - | LUC | 00 | 7/2+8/2 | 377,0 | LUC | CG 241391 | 09/12/2016 |
| 61 | Hộ bà Nguyễn Thị Nga | 001161002064 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc Mạ | 10 | 341 | 43,0 | 43,0 | - | LUC | 00 | 11/2 | 43,0 | LUC | CG 345537 | 16/12/2016 |
| | | | | Cuốc 5 | 14 | 183 | 969,0 | 969,0 | - | LUC | 00 | 5/2+6/2 | 969,0 | LUC | | |
| 62 | Hộ bà Nguyễn Thị Hạnh | 001171046101 | Song Khê, Tam Hưng | Láng | 24 | 294 | 396,0 | 396,0 | - | LUC | 00 | 5 | 396,0 | LUC | CG 185770 | 16/12/2016 |
| 63 | Hộ bà Nguyễn Thị Phương Anh | 001180024002 | Song Khê, Tam Hưng | Đền | 24 | 282 | 537,0 | 537,0 | - | LUC | 00 | 10/1 | 537,0 | LUC | CH 107654 | 22/12/2016 |

| STT | Chủ sử dụng đất | Số CCCD | Địa chỉ thường trú | Thông tin theo mảnh trích đo | | | | | | | Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý | | | | | |
|-----|---|--------------|--------------------|------------------------------|-----------|---------|--------------------------------------|---|---|----------|---|----------|-----------------------------|----------|--------------|------------|
| | | | | Địa chỉ | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích thửa đất (m ²) | Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²) | Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²) | Loại đất | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích (m ²) | Loại đất | Số phát hành | Ngày cấp |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 64 | Hộ bà Nguyễn Thị Thảo | 001149007325 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 5 | 14 | 165 | 1.212,0 | 1.212,0 | - | LUC | 00 | 3/1 | 1.212,0 | LUC | CG 185824 | 16/12/2016 |
| 65 | Ông Nguyễn Công Thắng | 001081015720 | Song Khê, Tam Hưng | Sau Đền | 24 | 308 | 58,0 | 58,0 | - | LUC | 00 | 4 | 58,0 | LUC | CG 241373 | 09/12/2016 |
| 66 | Hộ bà Nguyễn Thị Thoan | 001164043160 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc lộ 1 | 10 | 342 | 2,7 | 2,7 | - | LUC | 00 | 2 | 2,7 | LUC | CG 241320 | 09/12/2016 |
| | | | | Quốc lộ 2 | 14 | 54 | 128,0 | 128,0 | - | LUC | 00 | 8 | 128,0 | LUC | | |
| 67 | Hộ bà Nguyễn Thị Toàn | 001168006857 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 134 | 71,0 | 71,0 | - | LUC | 00 | 6 | 71,0 | LUC | CH 107739 | 22/12/2016 |
| 68 | Hộ bà Nguyễn Thị Trịnh | 001164013175 | Song Khê, Tam Hưng | Gạc 3 | 19 | 64 | 308,0 | 308,0 | - | LUC | 00 | 15 | 308,0 | LUC | CG 241340 | 09/12/2016 |
| 69 | Hộ bà Nguyễn Thị Trường | 001156024717 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 2 | 14 | 39 | 547,0 | 547,0 | - | LUC | 00 | 4 | 547,0 | LUC | CG 185749 | 16/12/2016 |
| 70 | Hộ bà Nguyễn Thị Vui | 001162007689 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 122 | 250,0 | 250,0 | - | LUC | 00 | 15+16 | 250,0 | LUC | CH 107737 | 22/12/2016 |
| 71 | Hộ bà Nguyễn Thị Vũng | 001153008140 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 5 | 14 | 154 | 933,0 | 933,0 | - | LUC | 00 | 3/8+1/2 | 933,0 | LUC | CG 185820 | 16/12/2016 |
| 72 | Hộ bà Nguyễn Thị Xuyên | 001157005914 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 5 | 14 | 161 | 404,0 | 404,0 | - | LUC | 00 | 3/9+3/10 | 404,0 | LUC | CG 185821 | 16/12/2016 |
| 73 | Hộ ông Nguyễn Văn Bình (1960) | 001060037396 | Song Khê, Tam Hưng | Đền | 24 | 302 | 84,0 | 84,0 | - | LUC | 00 | 3/3 | 84,0 | LUC | CE 509795 | 09/12/2016 |
| 74 | Hộ ông Nguyễn Văn Chanh | 001067034678 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 5 | 14 | 168 | 438,0 | 438,0 | - | LUC | 00 | 6/2 | 438,0 | LUC | CG 241380 | 09/12/2016 |
| 75 | Hộ ông Nguyễn Văn Chiến (1962) | 001062048880 | Song Khê, Tam Hưng | Sau Đền | 24 | 320 | 117,0 | 117,0 | - | LUC | 00 | 2 | 117,0 | LUC | CG 241372 | 09/12/2016 |
| 76 | Hộ ông Nguyễn Văn Chinh | 001064010826 | Song Khê, Tam Hưng | Đền | 24 | 253 | 1.073,0 | 1.073,0 | - | LUC | 00 | 4 | 1.073,0 | LUC | CH 210905 | 28/12/2016 |
| 77 | Hộ ông Nguyễn Văn Chung (1977) | 001077031087 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 119 | 306,0 | 306,0 | - | LUC | 00 | 2/5 | 306,0 | LUC | CG 185567 | 30/12/2016 |
| 78 | Hộ ông Nguyễn Văn Cóm | 001049012394 | Song Khê, Tam Hưng | Bầy | 15 | 263 | 532,0 | 532,0 | - | LUC | 00 | 4/1 | 532,0 | LUC | CG 241333 | 09/12/2016 |
| 79 | Hộ ông Nguyễn Văn Đoàn (1954) (Ông Nguyễn Văn Đoàn đã chết) - Ông Nguyễn Văn Kết đại diện | 001082015495 | Song Khê, Tam Hưng | Sau Đền | 20 | 195 | 1.068,5 | 1.068,5 | - | LUC | 00 | 1 | 1.068,5 | LUC | CG 185764 | 16/12/2016 |
| 80 | Hộ ông Nguyễn Văn Đông | 001071055306 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 128 | 258,0 | 258,0 | - | LUC | 00 | 03 | 258,0 | LUC | CH 117988 | 22/12/2016 |
| 81 | Hộ ông Nguyễn Văn Dự | 001059005085 | Song Khê, Tam Hưng | Gạc 3 Xóm | 19 | 67 | 95,0 | 95,0 | - | LUC | 00 | 7 | 95,0 | LUC | CG 185760 | 16/12/2016 |
| 82 | Hộ ông Nguyễn Văn Dũng | 001056005968 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 121 | 512,0 | 512,0 | - | LUC | 00 | 17 | 512,0 | LUC | CH 107733 | 22/12/2016 |
| 83 | Hộ ông Nguyễn Văn Đước | 001054004691 | Song Khê, Tam Hưng | Vôi 6 | 19 | 25 | 521,0 | 521,0 | - | LUC | 00 | 05 | 521,0 | LUC | CG 185599 | 30/12/2016 |
| 84 | Hộ ông Nguyễn Văn Hạnh | 001065003182 | Song Khê, Tam Hưng | Gạc 3 | 19 | 75 | 287,0 | 287,0 | - | LUC | 00 | 3+4 | 287,0 | LUC | CG 241341 | 09/12/2016 |
| 85 | Hộ ông Phạm Văn Phú (1972) | 001072009319 | Song Khê, Tam Hưng | Đền | 20 | 168 | 414,0 | 414,0 | - | LUC | 00 | 2 | 414,0 | LUC | CH 107649 | 22/12/2016 |

| STT | Chủ sử dụng đất | Số CCCD | Địa chỉ thường trú | Thông tin theo mảnh trích đo | | | | | | | Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý | | | | | |
|-----|--|--------------|--------------------|------------------------------|-----------|---------|--------------------------------------|---|---|----------|---|----------------|-----------------------------|----------|--------------|------------|
| | | | | Địa chỉ | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích thửa đất (m ²) | Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²) | Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²) | Loại đất | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích (m ²) | Loại đất | Số phát hành | Ngày cấp |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 86 | Hộ ông Nguyễn Văn Hùng (Lệ) | 001052001752 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 123 | 405,0 | 405,0 | - | LUC | 00 | 12 | 405,0 | LUC | CH 107730 | 22/12/2016 |
| 87 | Hộ ông Nguyễn Văn Kỳ | 001058037241 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 5 | 14 | 178 | 438,0 | 438,0 | - | LUC | 00 | 2/2 | 438,0 | LUC | CG 241392 | 09/12/2016 |
| 88 | Hộ ông Nguyễn Văn Lư | 001065006975 | Song Khê, Tam Hưng | Cuộc 5 | 14 | 189 | 675,5 | 675,5 | - | LUC | 00 | 1/2 | 675,5 | LUC | CG 185790 | 16/12/2016 |
| 89 | Hộ ông Nguyễn Văn Phong | 001073038423 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 5 | 14 | 167 | 1.557,0 | 1.557,0 | - | LUC | 00 | 15/2+16/2+17/2 | 1.557,0 | LUC | CG 241382 | 09/12/2016 |
| 90 | Hộ ông Nguyễn Văn Quế (1965) | 001065007746 | Song Khê, Tam Hưng | Bầy | 20 | 133 | 811,0 | 811,0 | - | LUC | 00 | 5 | 811,0 | LUC | CH 210900 | 28/12/2016 |
| 91 | Hộ ông Nguyễn Văn Quyển | 001059015216 | Song Khê, Tam Hưng | Cuộc 2 | 14 | 35 | 456,0 | 456,0 | - | LUC | 00 | 7 | 456,0 | LUC | CG 185755 | 16/12/2016 |
| 92 | Hộ ông Nguyễn Văn Tâm | 001077039693 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 5 | 14 | 173 | 375,0 | 375,0 | - | LUC | 00 | 13/2 | 375,0 | LUC | CE 510000 | 09/12/2016 |
| 93 | Hộ ông Nguyễn Văn Thi | 001071008354 | Song Khê, Tam Hưng | Đền | 24 | 304 | 168,0 | 168,0 | - | LUC | 00 | 1/3 | 168,0 | LUC | CG 241405 | 09/12/2016 |
| 94 | Hộ ông Kiều Văn Hưng | 001071012718 | Song Khê, Tam Hưng | Sau Đền | 20 | 180 | 262,0 | 262,0 | - | LUC | 00 | 5/2 | 262,0 | LUC | CG 185793 | 16/12/2016 |
| 95 | Hộ ông Nguyễn Văn Tuấn (1965) | 001065036035 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 126 | 656,0 | 656,0 | - | LUC | 00 | 8 | 656,0 | LUC | CG 126440 | 22/11/2016 |
| 96 | Hộ ông Nguyễn Văn Tuấn (1964) | 001064011178 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 125 | 172,0 | 172,0 | - | LUC | 00 | 10 | 172,0 | LUC | CH 117989 | 22/12/2016 |
| 97 | Hộ ông Nguyễn Văn Tuất (Ông Nguyễn Văn Tuất đã chết) - Bà Nguyễn Thị Hiền đại diện | 001182004002 | Song Khê, Tam Hưng | Mốc Voi | 19 | 26 | 694,0 | 694,0 | - | LUC | 00 | 07 | 694,0 | LUC | CG 185582 | 30/12/2016 |
| 98 | Hộ ông Nguyễn Văn Tuy (Tuyết) (1958) | 001058028806 | Song Khê, Tam Hưng | Cuộc 5 | 14 | 187 | 844,5 | 844,5 | - | LUC | 00 | 2/2 | 844,5 | LUC | CG 345528 | 16/12/2016 |
| 99 | Hộ ông Nguyễn Văn Tuyên | 001063016753 | Song Khê, Tam Hưng | Cuộc 5 | 14 | 193 | 1.034,0 | 1.034,0 | - | LUC | 00 | 3 | 1.034,0 | LUC | CG 345581 | 16/12/2016 |
| 100 | Hộ ông Nguyễn Văn Tuyền | 001061034763 | Song Khê, Tam Hưng | Mốc Voi | 19 | 31 | 291,0 | 291,0 | - | LUC | 00 | 06 | 291,0 | LUC | CG 185517 | 30/12/2016 |
| 101 | Hộ ông Nguyễn Việt Dũng | 001093041979 | Song Khê, Tam Hưng | Gạc 3 | 20 | 153 | 404,0 | 404,0 | - | LUC | 00 | 2/1 | 404,0 | LUC | CG 241326 | 09/12/2016 |
| | | | | Đền | 20 | 156 | 890,0 | 890,0 | - | LUC | 00 | 1/1+4/2 | 890,0 | LUC | | |
| 102 | Hộ ông Nguyễn Xuân Hiều (Ông Nguyễn Xuân Hiều đã chết)- Bà Vũ Ngọc Cẩm đại diện | 038149003108 | Song Khê, Tam Hưng | Cuộc Mạ | 10 | 322 | 335,0 | 335,0 | - | LUC | 00 | 6/2 | 335,0 | LUC | CG 241398 | 09/12/2016 |
| | | | | Bầy | 15 | 248 | 1.602,0 | 1.602,0 | - | LUC | 00 | 3/2 | 1.602,0 | LUC | | |
| | | | | Quốc 1 | 10 | 371 | 256,5 | 256,5 | - | LUC | 00 | 1/2 | 256,5 | LUC | | |
| 103 | Hộ ông Nguyễn Xuân Hữu | 001077024195 | Song Khê, Tam Hưng | Gạc 3 | 19 | 78 | 72,0 | 72,0 | - | LUC | 00 | 2 | 72,0 | LUC | CG 241343 | 09/12/2016 |
| 104 | Hộ ông Nhữ Văn Huấn | 001067038339 | Song Khê, Tam Hưng | Voi 6 | 14 | 201 | 796,0 | 796,0 | - | LUC | 00 | 1 | 796,0 | LUC | CG 126423 | 22/11/2016 |
| 105 | Hộ ông Phạm Văn Đức | 001060011292 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 147 | 982,0 | 982,0 | - | LUC | 00 | 5+6/2 | 982,0 | LUC | CG 185573 | 30/12/2016 |
| 106 | Hộ ông Phạm Ngọc Lâm (Ông Phạm Ngọc Lâm đã chết) - Ông Phạm Văn Quân đại diện | 001086006912 | Song Khê, Tam Hưng | Bầy | 20 | 93 | 1.093,0 | 1.093,0 | - | LUC | 00 | 7 | 1.093,0 | LUC | CH 117933 | 22/12/2016 |

| STT | Chủ sử dụng đất | Số CCCD | Địa chỉ thường trú | Thông tin theo mảnh trích đo | | | | | | | Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý | | | | | |
|-----|---|--------------|--------------------|------------------------------|-----------|---------|--------------------------------------|---|---|----------|---|-----------|-----------------------------|----------|----------------|------------|
| | | | | Địa chỉ | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích thửa đất (m ²) | Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²) | Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²) | Loại đất | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích (m ²) | Loại đất | Số phát hành | Ngày cấp |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 107 | Hộ ông Phạm Tâm Vu | 001052003184 | Song Khê, Tam Hưng | Chóp Nón | 20 | 166 | 1.460,0 | 1.460,0 | - | LUC | 00 | 3+4+15 | 1.460,0 | LUC | CG 241414 | 09/12/2016 |
| | | | | Láng | 24 | 333 | 1.280,0 | 1.280,0 | - | LUC | 00 | 4+5/3+6/3 | 1.280,0 | LUC | | |
| 108 | Hộ bà Phạm Thị Chung | 001159010597 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 141 | 694,0 | 694,0 | - | LUC | 00 | 6 | 694,0 | LUC | CG 126436 | 22/11/2016 |
| 109 | Hộ bà Phạm Thị Hà | 001143001736 | Song Khê, Tam Hưng | Vôi 6 | 14 | 195 | 597,0 | 597,0 | - | LUC | 00 | 7/1 | 597,0 | LUC | CG 185510 | 30/12/2016 |
| 110 | Hộ bà Phạm Thị Liên (Giữa) | 001158005697 | Song Khê, Tam Hưng | Vôi 6 | 14 | 202 | 670,0 | 670,0 | - | LUC | 00 | 2/1 | 670,0 | LUC | CG 126420 | 22/11/2016 |
| 111 | Hộ bà Phạm Thị Lợi | 001165035507 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc Ụ | 14 | 146 | 1.966,0 | 1.966,0 | - | LUC | 00 | 3/2 | 1.966,0 | LUC | CG 241299 | 09/12/2016 |
| 112 | Hộ bà Phạm Thị Năm | 001172015668 | Song Khê, Tam Hưng | Gạc Ba | 19 | 47 | 546,0 | 546,0 | - | LUC | 00 | 4/3 | 546,0 | LUC | CG 241327 | 09/12/2016 |
| 113 | Hộ bà Phạm Thị Nguyệt | 001154009117 | Song Khê, Tam Hưng | Mốc Vôi | 14 | 207 | 487,0 | 487,0 | - | LUC | 00 | 2 | 487,0 | LUC | CH 117937 | 22/12/2016 |
| 114 | Hộ bà Phạm Thị Tích | 001136001334 | Song Khê, Tam Hưng | Vôi 6 | 19 | 30 | 564,0 | 564,0 | - | LUC | 00 | 07 | 564,0 | LUC | CG 126486 | 22/11/2016 |
| 115 | Hộ ông Phạm Văn Hồng | 001068039113 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 1 | 10 | 364 | 615,0 | 615,0 | - | LUC | 00 | 1 | 615,0 | LUC | CH 117984 | 22/12/2016 |
| 116 | Hộ ông Phạm Văn Vết (Thuận) | 001067006020 | Song Khê, Tam Hưng | Vôi 6 | 14 | 197 | 265,0 | 265,0 | - | LUC | 00 | 06 | 265,0 | LUC | CG 185549 | 30/12/2016 |
| 117 | Hộ bà Tạ Thị Chinh | 001070021666 | Song Khê, Tam Hưng | Bầy | 20 | 98 | 872,0 | 872,0 | - | LUC | 00 | 10 | 872,0 | LUC | AA 04486825 | 23/12/2025 |
| 118 | Hộ ông Tào Mạnh Toàn | 001081010109 | Song Khê, Tam Hưng | Đền | 24 | 342 | 527,0 | 527,0 | - | LUC | 00 | 6/4 | 527,0 | LUC | CH 117912 | 22/12/2016 |
| | | | | Sau Đền | 24 | 266 | 720,0 | 720,0 | - | LUC | 00 | 5/4 | 720,0 | LUC | | |
| 119 | Hộ bà Tào Thị Nông | 001142001951 | Song Khê, Tam Hưng | Mốc Vôi | 14 | 203 | 730,0 | 730,0 | - | LUC | 00 | 5 | 730,0 | LUC | CH 117938 | 22/12/2016 |
| 120 | Hộ ông Tào Văn Bắc | 001057915752 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 139 | 405,0 | 405,0 | - | LUC | 00 | 13 | 405,0 | LUC | CH 107728 | 22/12/2016 |
| 121 | Hộ ông Tào Văn Mùi | 001079047505 | Song Khê, Tam Hưng | Bầy | 20 | 105 | 926,0 | 926,0 | - | LUC | 00 | 2/3 | 926,0 | LUC | CG 126441 | 22/11/2016 |
| 122 | Hộ ông Tào Văn Toàn | 001059016375 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 5 | 14 | 159 | 683,0 | 683,0 | - | LUC | 00 | 3/7 | 683,0 | LUC | CG 185826 | 16/12/2016 |
| 123 | Hộ ông Thái Đăng Thụ | 001077011082 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 2 | 14 | 28 | 223,0 | 223,0 | - | LUC | 00 | 2 | 223,0 | LUC | CG 185827 | 16/12/2016 |
| 124 | Hộ ông Thái Hồng Ngọc | 001067016253 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 2 | 14 | 207 | 22,7 | 22,7 | - | LUC | 00 | 3 | 22,7 | LUC | CG 185796 | 16/12/2016 |
| 125 | Hộ ông Thái Quang Cải | 001055012514 | Song Khê, Tam Hưng | Vôi 6 | 19 | 12 | 471,0 | 471,0 | - | LUC | 00 | 5/2 | 471,0 | LUC | CG 185603 | 30/12/2016 |
| 126 | Hộ bà Thái Thị Lan Hương | 001181012383 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 5 | 14 | 157 | 190,0 | 190,0 | - | LUC | 00 | 3/6 | 190,0 | LUC | CG 185823 | 16/12/2016 |
| 127 | Hộ bà Thái Thị Tuyến | 001173005092 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 149 | 377,0 | 377,0 | - | LUC | 00 | 3 | 377,0 | LUC | CG 241300 | 09/12/2016 |
| 128 | Hộ bà Thái Thị Sung (bà Thái Thị Sung đã chết) Bà Nguyễn Thị Tâm đại diện | 001179038110 | Song Khê, Tam Hưng | Vôi 6 | 19 | 14 | 367,0 | 367,0 | - | LUC | 00 | 1 | 367,0 | LUC | CH 107607 | 22/12/2016 |

| STT | Chủ sử dụng đất | Số CCCD | Địa chỉ thường trú | Thông tin theo mảnh trích đo | | | | | | | Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý | | | | | |
|-----|--|--------------|--------------------|------------------------------|-----------|---------|--------------------------------------|---|---|----------|---|-----------------|-----------------------------|----------|----------------|------------|
| | | | | Địa chỉ | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích thửa đất (m ²) | Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²) | Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²) | Loại đất | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích (m ²) | Loại đất | Số phát hành | Ngày cấp |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 129 | Hộ ông Trần Đức Cường | 001059033442 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 111 | 378,0 | 378,0 | - | LUC | 00 | 11/5 | 378,0 | LUC | CG 126456 | 22/11/2016 |
| 130 | Hộ bà Trần Thị An | 001163015578 | Song Khê, Tam Hưng | Cuộc Mạ | 10 | 327 | 277,0 | 277,0 | - | LUC | 00 | 1/2+2/2 | 277,0 | LUC | CG 241397 | 09/12/2016 |
| | | | | Gạc Ba | 19 | 49 | 1.457,2 | 1.457,2 | - | LUC | 00 | 1/2+2/2 | 1.457,2 | LUC | | |
| 131 | Hộ bà Trần Thị Liên | 001155002512 | Song Khê, Tam Hưng | Cuộc 5 | 14 | 163 | 663,0 | 663,0 | - | LUC | 00 | 3/8 | 663,0 | LUC | CG 185829 | 16/12/2016 |
| 132 | Hộ bà Trần Thị Ngoan | 001165039152 | Song Khê, Tam Hưng | Láng 5 | 24 | 280 | 772,0 | 772,0 | - | LUC | 00 | 1 | 772,0 | LUC | CH 210878 | 28/12/2016 |
| 133 | Hộ ông Trần Văn Hưng | 001067037552 | Song Khê, Tam Hưng | Vôi 6 | 14 | 198 | 531,0 | 531,0 | - | LUC | 00 | 5+6 | 531,0 | LUC | CG 185541 | 30/12/2016 |
| 134 | Hộ ông Trần Văn Tuấn | 001061011784 | Song Khê, Tam Hưng | Đền | 20 | 196 | 1.174,0 | 1.174,0 | - | LUC | 00 | 09 | 1.174,0 | LUC | CG 126462 | 22/11/2016 |
| 135 | Hộ ông Trần Văn Tuấn | 001060013432 | Song Khê, Tam Hưng | Cuộc 4 | 14 | 101 | 706,0 | 706,0 | - | LUC | 00 | 1 | 706,0 | LUC | CG 185808 | 16/12/2016 |
| 136 | Bà Nguyễn Thị Thủy | 001155025561 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 140 | 1.428,0 | 1.428,0 | - | LUC | 00 | 7 | 1.428,0 | LUC | AA 02510666 | 24/07/2025 |
| 137 | Hộ ông Nguyễn Văn Tuy (Chín) (1966) | 001066038475 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 152 | 258,0 | 258,0 | - | LUC | 00 | 02 | 258,0 | LUC | CG 126464 | 22/11/2016 |
| 138 | Hộ ông Nguyễn Văn Đoàn (1968) | 001068012899 | Song Khê, Tam Hưng | Cuộc 2 | 14 | 38 | 441,0 | 441,0 | - | LUC | 00 | 5 | 441,0 | LUC | CG 185748 | 12/16/2016 |
| 139 | Hộ ông Phạm Văn Tư | 001057027176 | Song Khê, Tam Hưng | Đền | 20 | 182 | 691,6 | 691,6 | - | LUC | 00 | 1/3 | 691,6 | LUC | CG 241329 | 09/12/2016 |
| 140 | Hộ ông Trần Văn Thực (ông Trần Văn Thực đã chết)- bà Đào Thị Khôi đại diện | 001154021200 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 127 | 1.133,0 | 1.133,0 | - | LUC | 00 | 7/6+8+9/ 6 | 1.133,0 | LUC | CG 185509 | 30/12/2016 |
| 141 | Hộ ông Kiều Văn Hải (1981) | 001081014965 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 106 | 294,0 | 294,0 | - | LUC | 00 | 13/5+15/ 5 | 294,0 | LUC | CH 107635 | 22/12/2016 |
| 142 | Hộ ông Phạm Văn Tuấn (Chí) | 001056007161 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 3 | 14 | 73 | 2.068,0 | 2.068,0 | - | LUC | 00 | 1/3+2/3+ 3/3 | 2.068,0 | LUC | CH 117967 | 22/12/2016 |
| 143 | Hộ bà Lê Thị Bình (1952) | 001152007049 | Song Khê, Tam Hưng | Đền | 24 | 277 | 672,0 | 672,0 | - | LUC | 00 | 3/1 | 672,0 | LUC | CH 107622 | 22/12/2016 |
| 144 | Hộ ông Phạm Văn Phú (Bình) (1952) | 001052002865 | Song Khê, Tam Hưng | Bà | 20 | 139 | 598,0 | 598,0 | - | LUC | 00 | 01 | 598,0 | LUC | CG 185581 | 30/12/2016 |
| 145 | Hộ ông Thái Văn Cộng | 001063002528 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 151 | 1.257,0 | 1.257,0 | - | LUC | 00 | 02 | 1.257,0 | LUC | CG 126470 | 22/11/2016 |
| 146 | Hộ ông Thái Văn Cường | 001069018971 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 150 | 1.013,0 | 1.013,0 | - | LUC | 00 | 2/2 | 1.013,0 | LUC | CH 107616 | 22/12/2016 |
| | | | | Khúc Vây 5 | 24 | 339 | 197,0 | 107,0 | 90,0 | LUC | 00 | 6/3 | 197,0 | LUC | | |
| 147 | Hộ ông Tào Văn Ngọc | 001078041153 | Song Khê, Tam Hưng | Khúc Vây 5 | 20 | 219 | 127,0 | 13,0 | 114,0 | LUC | 00 | 15/5 | 127,0 | LUC | CG 126451 | 22/11/2016 |
| 148 | Hộ bà Lê Thị Dung | 001178006479 | Song Khê, Tam Hưng | Gạc 3 | 19 | 40 | 1.769,0 | 1.769,0 | - | LUC | 00 | 2+3 | 1.769,0 | LUC | CG 185784 | 16/12/2016 |
| 149 | Hộ ông Nguyễn Công Thanh | 001058031024 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 5 | 14 | 174 | 751,0 | 751,0 | - | LUC | 00 | 14/2 | 751,0 | LUC | CG 241385 | 09/12/2016 |
| | | | | Quốc 1 | 10 | 365 | 495,0 | 495,0 | - | LUC | 00 | 2 | 495,0 | LUC | | |
| 150 | Hộ ông Nguyễn Đăng Duy | 001064037417 | Song Khê, Tam Hưng | Khúc Vây 5 | 24 | 269 | 805,0 | 505,0 | 300,0 | LUC | 00 | 8/3 | 805,0 | LUC | CG 185801 | 16/12/2016 |
| | | | | Cuộc 4 | 14 | 158 | 257,0 | 257,0 | - | LUC | 00 | 1/1 | 257,0 | LUC | | |

| STT | Chủ sử dụng đất | Số CCCD | Địa chỉ thường trú | Thông tin theo mảnh trích đo | | | | | | | Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý | | | | | |
|-----|--|--------------|----------------------|------------------------------|-----------|---------|--------------------------------------|---|---|----------|---|---------|-----------------------------|----------|----------------|------------|
| | | | | Địa chỉ | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích thửa đất (m ²) | Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²) | Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²) | Loại đất | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích (m ²) | Loại đất | Số phát hành | Ngày cấp |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 151 | Hộ bà Kiều Thị Đính (bà Kiều Thị Đính đã chết) - Ông Nguyễn Văn Tuấn đại diện | 001063007909 | Song Khê, Tam Hưng | Khúc Vây 5 | 20 | 221 | 264,0 | 64,0 | 200,0 | LUC | 00 | 16/5 | 264,0 | LUC | CG 185554 | 30/12/2016 |
| 152 | Hộ bà Trần Thị Thân | 001135001927 | Song Khê, Tam Hưng | Khúc Vây 5 | 20 | 216 | 132,0 | 10,0 | 122,0 | LUC | 00 | 12/5 | 132,0 | LUC | CG 126452 | 22/11/2016 |
| 153 | Bà Phạm Thị Hồng Duệ | 001197030662 | Song Khê, Tam Hưng | Khúc Vây 5 | 20 | 214 | 209,0 | 13,0 | 196,0 | LUC | 00 | 10/5 | 209,0 | LUC | CG 126430 | 22/11/2016 |
| 154 | Hộ bà Nhữ Thị Yên | 001158042164 | Song Khê, Tam Hưng | Khúc Vây | 20 | 220 | 127,0 | 14,0 | 113,0 | LUC | 00 | 10 | 127,0 | LUC | CG 185606 | 30/12/2016 |
| 155 | Hộ bà Nguyễn Thị Minh | 001158037248 | Song Khê, Tam Hưng | Khúc Vây | 20 | 217 | 254,0 | 10,0 | 244,0 | LUC | 00 | 7 | 254,0 | LUC | CG 185805 | 16/12/2016 |
| 156 | Hộ bà Nguyễn Thị Năm | 001139012894 | Song Khê, Tam Hưng | Khúc Vây 5 | 20 | 213 | 263,0 | 13,0 | 250,0 | LUC | 00 | 9/5 | 263,0 | LUC | CG 126454 | 22/11/2016 |
| 157 | Hộ bà Phạm Thị Cư | 001151009215 | Song Khê, Tam Hưng | Khúc Vây 5 | 20 | 215 | 132,0 | 10,0 | 122,0 | LUC | 00 | 11/5 | 132,0 | LUC | CG 126428 | 22/11/2016 |
| 158 | Hộ ông Phạm Đức Hiền | 001057017406 | Song Khê, Tam Hưng | Khúc Vây 5 | 20 | 205 | 518,0 | 10,0 | 508,0 | LUC | 00 | 1/5 | 518,0 | LUC | CG 185553 | 12/30/2016 |
| 159 | Hộ ông Kiều Văn Nam | 001068029018 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 3 | 14 | 66 | 445,0 | 445,0 | - | LUC | 00 | 3+6 | 445,0 | LUC | CH 117931 | 22/12/2016 |
| 160 | Hộ bà Nhữ Thị Nhung | 001155028336 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 148 | 1.388,0 | 1.388,0 | - | LUC | 00 | 2+1 | 1.388,0 | LUC | CG 185533 | 30/12/2016 |
| 161 | Hộ ông Đào Văn Tuyền | 001061013785 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 1 | 10 | 366 | 22,0 | 22,0 | - | LUC | 00 | 1 | 22,0 | LUC | CH 107612 | 22/12/2016 |
| 162 | Hộ ông Nguyễn Văn Quang | 001059009814 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 3 | 14 | 98 | 360,0 | 360,0 | - | LUC | 00 | 1 | 360,0 | LUC | CG 185813 | 16/12/2016 |
| 163 | Hộ ông Tào Văn Tùng | 001086022939 | Song Khê, Tam Hưng | Bà | 20 | 135 | 312,0 | 312,0 | - | LUC | 00 | 05 | 312,0 | LUC | CG 185561 | 30/12/2016 |
| 164 | Hộ ông Nguyễn Văn Công | 001088033275 | Song Khê, Tam Hưng | Vôi 6 | 19 | 1 | 324,0 | 324,0 | - | LUC | 00 | 1/2 | 324,0 | LUC | CH 210856 | 28/12/2016 |
| 165 | Hộ ông Nguyễn Văn Đàn | 001057006298 | Song Khê, Tam Hưng | Khúc Vây 5 | 20 | 212 | 126,0 | 10,0 | 116,0 | LUC | 00 | 8/5 | 126,0 | LUC | CG 185548 | 30/12/2016 |
| 166 | Hộ bà Ngô Thị Đào | 001165007725 | Thiên Đông, Tam Hưng | Cuốc 1 | 10 | 345 | 1.169,0 | 1.169,0 | - | LUC | 00 | 1 | 1.169,0 | LUC | CG 185802 | 16/12/2016 |
| 167 | Hộ ông Nguyễn Văn Huân (Ông Nguyễn Văn Huân đã chết) - Vợ là Đỗ Thị Mùi đại diện | 001155033607 | Song Khê, Tam Hưng | Gạc 3 | 19 | 76 | 358,0 | 358,0 | - | LUC | 00 | 3 | 358,0 | LUC | CG 241342 | 09/12/2016 |
| 168 | Hộ bà Nguyễn Thị Thoa (1961) | 001161005375 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 4 | 14 | 129 | 420,0 | 420,0 | - | LUC | 00 | 1 | 420,0 | LUC | CH 107735 | 22/12/2016 |
| 169 | Hộ ông Thái Văn Châu | 001061023985 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 2 | 14 | 209 | 56,0 | 56,0 | - | LUC | 00 | 5 | 56,0 | LUC | CG 185798 | 16/12/2016 |
| 170 | Hộ bà Nguyễn Thị Tuyết | 001176014674 | Song Khê, Tam Hưng | Gạc 3 | 19 | 83 | 719,0 | 719,0 | - | LUC | 00 | 5 | 719,0 | LUC | CG 185782 | 16/12/2016 |
| | | | | Quốc 3 | 14 | 97 | 566,0 | 566,0 | - | LUC | 00 | 1 (1P) | 566,0 | LUC | AA 02510670 | 12/8/2025 |

| STT | Chủ sử dụng đất | Số CCCD | Địa chỉ thường trú | Thông tin theo mảnh trích đo | | | | | | | Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý | | | | | |
|-----|---|------------------------------|--------------------|------------------------------|-----------|---------|--------------------------------------|---|---|----------|---|---------------------------|-----------------------------|----------|----------------|------------|
| | | | | Địa chỉ | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích thửa đất (m ²) | Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²) | Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²) | Loại đất | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích (m ²) | Loại đất | Số phát hành | Ngày cấp |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 171 | Ông Nguyễn Quang Hiệu (Nguyễn Thị Loan) | 001081024902 001183030010 | Dư Dụ, Tam Hưng | Quốc 3 | 14 | 99 | 309,0 | 309,0 | - | LUC | 00 | 2/2 (1P) | 309,0 | LUC | AA 02510672 | 12/8/2025 |
| | | | | Quốc 3 | 14 | 96 | 359,0 | 359,0 | - | LUC | 00 | 4 (1P) | 359,0 | LUC | AA 02413060 | 8/12/2025 |
| 172 | Hộ bà Hoàng Thị Mến (Bà Hoàng Thị Mến đã chết) - Ông Hoàng Đức Phụng đại diện | 001086018513 | Song Khê, Tam Hưng | Gạc 3 | 19 | 86 | 69,0 | 69,0 | - | LUC | 00 | 1 | 69,0 | LUC | CG 185780 | 12/12/2016 |
| 173 | Hộ ông Phạm Thanh Bình (1977) | 001077044991 | Song Khê, Tam Hưng | Bây | 20 | 120 | 1.086,0 | 1.086,0 | - | LUC | 00 | 11+12+1 3 | 1.086,0 | LUC | CG 185545 | 30/12/2016 |
| 174 | Hộ bà Hoàng Thị Nga | 001140008800 | Song Khê, Tam Hưng | Khúc Vây 5 | 24 | 338 | 399,0 | 103,0 | 296,0 | LUC | 00 | 4/64 | 399,0 | LUC | CG 126434 | 22/11/2016 |
| 175 | Hộ bà Nguyễn Thị Hào (1952) (Phú) | 001152010007 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 3 | 14 | 214 | 594,0 | 594,0 | - | LUC | 00 | 9 | 594,0 | LUC | CH 210908 | 28/12/2016 |
| 176 | Hộ ông Phạm Văn Tuấn (Ông Phạm Văn Tuấn 1960 đã chết) - Bà Dương Thị Cúc đại diện | 001160035051 | Song Khê, Tam Hưng | Khúc Vây 5 | 20 | 207 | 208,0 | 20,0 | 188,0 | LUC | 00 | 3/5 | 208,0 | LUC | CH 107631 | 22/12/2016 |
| 177 | Hộ ông Lê Huy Tranh | 001068002298 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 1 | 10 | 317 | 5,8 | 5,8 | - | LUC | 00 | 7 | 5,8 | LUC | CH 210989 | 28/12/2016 |
| | | | | Cuốc 2 | 14 | 17 | 181,6 | 181,6 | - | LUC | 00 | 7 | 181,6 | LUC | | |
| | | | | Gạc 3 | 19 | 46 | 581,0 | 581,0 | - | LUC | 00 | 6/3 | 581,0 | LUC | | |
| 178 | Hộ ông Nguyễn Văn Hỷ (Ông Nguyễn Văn Hỷ đã chết)- Bà | 001155004602 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc Mạ | 10 | 306 | 3,5 | 3,5 | - | LUC | 00 | 1 | 3,5 | LUC | CG 185765 | 16/12/2016 |
| | | | | Láng | 24 | 287 | 243,0 | 243,0 | - | LUC | 00 | 2 | 243,0 | LUC | | |
| 179 | Hộ ông Lê Huy Cường | 001067033533 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 1 | 10 | 275 | 20,0 | 20,0 | - | LUC | 00 | 4 | 20,0 | LUC | CG 185800 | 16/12/2016 |
| 180 | Hộ ông Kiều Văn Hoạt | 001070017643 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 5 | 14 | 166 | 438,0 | 438,0 | - | LUC | 00 | 3/2 | 438,0 | LUC | CG 241386 | 09/12/2016 |
| 181 | Hộ ông Lê Anh Tuấn | 001073009565 | Song Khê, Tam Hưng | Đền | 24 | 276 | 462,0 | 462,0 | - | LUC | 00 | 4/1 | 462,0 | LUC | CG 185528 | 30/12/2016 |
| 182 | Hộ ông Nguyễn Triệu Đề | 001048004128 | Song Khê, Tam Hưng | Cuốc 5 | 14 | 192 | 407,0 | 407,0 | - | LUC | 00 | 2 | 407,0 | LUC | CG 345565 | 16/12/2016 |
| | | | | Gạc 3 | 19 | 62 | 150,0 | 150,0 | - | | 00 | 6+14 | 651,0 | LUC | | |
| | | | | Gạc 3 | 19 | 56 | 501,0 | 501,0 | - | LUC | | | | | | |
| 183 | Hộ ông Phạm Mạnh Tùng | 001072038101 | Song Khê, Tam Hưng | Khúc Vây 5 | 20 | 218 | 266,0 | 50,0 | 216,0 | LUC | 00 | 14/5 | 266,0 | LUC | CG 185588 | 12/30/2016 |
| 184 | Hộ bà Đỗ Thị Hòa (Bà Đỗ Thị Hòa đã chết) - Ông Đào Văn Trường đại diện | 001084005086 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 3 | 14 | 68 | 356,0 | 356,0 | - | LUC | 00 | 8 | 356,0 | LUC | CH 117964 | 22/12/2016 |
| 185 | Hộ ông Hoàng Phú | 001046004053 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc 3 | 14 | 74 | 2.012,0 | 2.012,0 | - | LUC | 00 | 6/4+5/4 | 2.012,0 | LUC | CH 117975 | 22/12/2016 |
| 186 | Hộ bà Phạm Thị Diễm | 00116010194 | Song Khê, Tam Hưng | Bây | 20 | 88 | 900,0 | 900,0 | - | LUC | 00 | 2 | 900,0 | LUC | CH 117929 | 22/12/2016 |
| | | | | Sau Đền | 20 | 170 | 160,0 | 160,0 | - | LUC | 00 | 4 | 160,0 | LUC | | |
| 187 | Hộ ông Tào Văn Lưu | 001045004343 | Song Khê, Tam Hưng | Đền | 24 | 272 | 1.011,0 | 1.011,0 | - | LUC | 00 | (8+9)/4+ (10+11)/ 4 | 903,0 | LUC | CH 107653 | 22/12/2016 |

| STT | Chủ sử dụng đất | Số CCCD | Địa chỉ thường trú | Thông tin theo mảnh trích đo | | | | | | | Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý | | | | | |
|-------------|---|--------------|---|------------------------------|-----------|------------|--------------------------------------|---|---|----------|---|----------------|-----------------------------|----------|--------------|------------|
| | | | | Địa chỉ | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích thửa đất (m ²) | Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²) | Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²) | Loại đất | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích (m ²) | Loại đất | Số phát hành | Ngày cấp |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 188 | Hộ ông Thái Văn Long (Ông Thái Văn Long đã chết) - Bà Phạm Thị Quyết đại diện | 001164009267 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc Mạ | 10 | 360 | 610,0 | 610,0 | - | LUC | 00 | 6 | 610,0 | LUC | CH 210846 | 28/12/2016 |
| 189 | Ông Phạm Quyết Thắng Vợ Trần Thanh Tú | 001079015180 | Hoàng Văn Thụ, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội | Khúc Vây 5 | 24 | 335 | 213,0 | 100,0 | 113,0 | LUC | 00 | 2 | 213,0 | LUC | AA 02510667 | 24/7/2025 |
| 190 | Hộ ông Bùi Văn Chanh | 001065002610 | Khu đô thị Văn Phú, Phú La, Hà Đông, Hà Nội | Sau Đền | 20 | 191 | 1.308,0 | 1.308,0 | - | LUC | 00 | 12/2+13/2+14/2 | 1.308,0 | LUC | CG 345540 | 16/12/2016 |
| 191 | Ông Phạm Quang Xứng Vợ Phạm Bích Ngọc | 036076001618 | Xóm Quang Hải, Hải Quang, Hải Hậu, Nam Định | Quốc 3 | 14 | 89 | 308,0 | 308,0 | - | LUC | 00 | 11(IP) | 308,0 | LUC | AA 06696305 | 20/03/2026 |
| | | | | Quốc 3 | 14 | 95 | 256,0 | 256,0 | - | LUC | 00 | 5 | 256,0 | LUC | AA 06694793 | 30/03/2026 |
| 192 | Ông Phạm Quang Xứng | 036076001618 | Xóm Quang Hải, Hải Quang, Hải Hậu, Nam Định | Quốc 3 | 14 | 87 | 360,0 | 360,0 | - | LUC | 00 | 2 | 360,0 | LUC | CH 117983 | 22/12/2016 |
| 193 | Hộ ông Hoàng Xuân Thảo | 001084020938 | Số 39, Ngõ 13 TTCT XD Khu Nam Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội | Cuộc 5 | 14 | 188 | 770,0 | 770,0 | - | LUC | 00 | 6+5 | 770,0 | LUC | CG 345585 | 16/12/2016 |
| 194 | Ông Trần Minh Đức | 001088024109 | KDTM LTT Parkcity HN, La Khê, Hà Đông, Hà Nội | Cuộc 2 | 14 | 55 | 1.620,0 | 1.620,0 | - | LUC | 00 | 2 | 1.620,0 | LUC | AA 04692937 | 09/02/2026 |
| 195 | Hộ ông Kiều Trọng Phú | 001058033114 | Xuân Trung, Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội | Cuộc 5 | 14 | 190 | 831,0 | 831,0 | - | LUC | 00 | 4 | 831,0 | LUC | CG 345586 | 16/12/2026 |
| 196 | Hộ bà Nguyễn Thị Hằng | 001178023738 | Tổ dân phố Phương Bãi, Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội | Quốc 5 | 14 | 170 | 375,0 | 375,0 | - | LUC | 00 | 9/2 | 375,0 | LUC | CG 241383 | 09/12/2016 |
| 197 | Nguyễn Thị Hồng Thúy | 001174045764 | Số 85, Cầu Đơ 3, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội | Quốc 5 | 14 | 180 | 1.044,0 | 1.044,0 | - | LUC | 00 | 11/2+12/2 | 1.044,0 | LUC | CG 241395 | 09/12/2016 |
| 198 | Kiều Thị Phúc | | Tổ 27, Fimnom, Hiệp Thịnh, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng | Quốc 3 | 14 | 210 | 148,0 | 148,0 | - | LUC | 00 | 05 | 148,0 | LUC | CH 117987 | 22/12/2016 |
| 199 | Hộ bà Phạm Thị Loan | 001169016454 | Tổ 7, Phú La, Hà Đông, Hà Nội | Quốc 1 | 10 | 346 | 380,0 | 380,0 | - | LUC | 00 | 12 | 380,0 | LUC | CH 210847 | 28/12/2016 |
| 200 | Hộ bà Phạm Thị Ngân | 001187005533 | Thôn Sinh Liên, xã Bình Minh, Hà Nội | Quốc 4 | 14 | 144 | 520,0 | 520,0 | - | LUC | 00 | 3+4/3 | 520,0 | LUC | CH 107647 | 22/12/2016 |
| 201 | Ông Nguyễn Văn Long | 001061003321 | Song Khê, Tam Hưng | Quốc Mạ | 10 | 291 | 81,0 | 81,0 | - | LUC | | | | | | |
| | | | | Láng 5 | 24 | 341 | 649,0 | 649,0 | - | LUC | | | | | | |
| TỔNG | | | | | | 229 | 129.088,9 | 125.900,9 | 3.188,0 | | | 226 | 128.250,9 | | | |